

KINH THỦ HỘ QUỐC GIỚI CHỦ ĐÀ LA NI _QUYỀN THỨ HAI_

Hán dịch: Nước Kế Tân_ Tam Tạng Sa Môn BÁT NHÃ (Prajña: Trí Tuệ) cùng
với MÂU NI THẮT LỢI (Muni-srī: Tịch Mặc) dịch
Phục hồi Phạn Chú và Việt dịch: HUYỀN THANH

ĐÀ LA NI _PHẨM THỨ HAI_ CHI HAI_

Bấy giờ Đức Thế Tôn như **Tượng Vương** (Gaya-rāja: vua của loài voi) quay lại quán sát khắp Đại Chúng, lại bảo Nhất Thiết Pháp Tự Tại Vương Bồ Tát Ma Ha Tát rằng: “Này Thiện Nam Tử! Trong Hội này có hai loại người, một là thành tựu, hai là chưa thành tựu. Nay Ta lại vì người chưa thành tựu dùng phương tiện khéo, tùy thuận thí dụ, ngôn từ của **Thế Đế** (Samvṛti-satya) nói Pháp **Nhất Thừa** (Ekayāna). Như đời có Pháp tên là **Ca Lô La** (Garuḍa), muốn tu Pháp này thì trước tiên tô vẽ tượng **Ca Lô La** (Garuḍa:Kim Sí Điểu), xem xét kỹ lưỡng, quán sát **Quán Hạnh** thuần thực. Song, rời tượng vẽ, tay kết Thủ Ấn, tướng thân của mình thành **Ca Lô La**, tác **Ngũ Đại Quán** (quán sát năm Đại):

Một là quán **Đất** (Pṛthivi) tác quán màu trắng.

Hai là **Nước** (Ab) tác quán màu xanh lục.

Ba là quán **Lửa** (Tejo) tác quán màu đỏ vàng.

Bốn là quán **Gió** (Vāyu) tác quán màu đen.

Năm là quán **Không** (Ākāśa: hư không) tác quán màu xanh

Quán này thành xong thì tất cả chất độc đều thành *chẳng phải là chất độc* (phi độc), nghĩa là hoặc chất độc của hữu tình, hoặc chất độc của **Phi Tình** (chẳng phải là hữu tình). Hoặc khiến quay lại hỗ trợ, hoặc lấy hoặc bỏ, nhận làm tự tại

_Thiện Nam Tử! Bồ Tát Ma Ha Tát cũng lại như vậy. Nếu muốn nhập vào Quán, trước tiên nên nhập vào **Tỳ Lô Giá Na Như Lai Tam Muội**, nghĩa là quán thân thể của mình thành Kim Cương bền cứng chẳng thể hoại. Nên dùng thân làm **Kim Cương Kiệt Già** nghĩa là đem bàn chân phải đè trên bắp đùi trái, thẳng thân ngồi ngay ngắn, hơi động gốc lưỡi, môi răng hợp nhau, tác **Kim Cương Ngũ**. Kim Cương Ngũ là không có tiếng nói, chỉ dùng Tâm niệm thầm, dùng Trí bền chặt quán sát kỹ lưỡng, trái tim của mình dùng làm vành trăng ở ngay đầu lỗ mũi chẳng cho chạy tan, trong sạch tròn đầy, màu như tuyết đọng, sữa bò, thủy tinh.... Song, vành trăng này là **Tâm Bồ Đề** (Bodhi-citta), Tâm Bồ Đề này vốn không có sắc tướng. Vì các chúng sinh chưa thành tựu, cho nên nói như vành trăng. Nên dùng tay phải tác **Kim Cương Quyền** để ngang trái tim nắm ngón cái của tay trái.



Đây gọi là **Năng Dữ Vô Thượng Bồ Đề Tối Tôn Thắng Ân**, tức là Ân của Bản Sư Tỳ Lô Giá Na Như Lai.

Bây giờ Đức Thế Tôn liền nói Đà La Ni là:

“**Án, hồng, nhạ, hộ, sa**”

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

OM HŪM JA HO SA

Quán sát Đà La Ni này như thế nào? Nên đem chữ **Án** (ॐ: Om) an trong vành trắng đã quán lúc trước, để ở trên đỉnh đầu. Quán chữ **Án** này có màu như **Kha Tuyết** (tuyết trắng tinh). Tưởng này thành xong, liền thấy thân của mình ngồi trong vành trắng, liền được thành tựu **Tỳ Lô Giá Na** (Vairocana), dùng vô lượng vô biên số bụi nhỏ **Trí** (Jñāna) của nhóm như vậy thành tựu thân này. Đây tức gọi là **đủ tất cả Trí** (Cụ Nhất Thiết Trí) cũng được tên gọi là **đủ Trí Kim Cương** (Cụ Kim Cương Trí).

Tu Quán này là Trí của **Du Già** (Yoga), cũng là **Bát Nhã Ba La Mật Đa** (Prajña-pāramitā), cũng tức gọi là Quả của các Bồ Tát. Quả này hay được ba loại chân thật. Nhóm nào là ba? Một là được **Chân Thật Bất Khả Tư Nghị Nhất Thiết Trí Trí Chư Phật Cảnh Giới Tam Muội** lúc trước, hai là được Chân Ngôn bí mật chân thật lúc trước, ba là được **Án Khế** bí mật chân thật lúc trước.

Quán lúc trước thành xong. Liền tưởng trên đỉnh đầu tuôn ra ánh sáng trắng, lại dùng trăm ngàn vạn ức ánh sáng để làm quyến thuộc, bên dưới đến Địa Ngục **A Tỳ** (Avīci), bên trên đến cõi Trời **A Ca Ni Tra** (Akaniṣṭha-deva: Sắc Cứu Cánh Thiên). Trong đó hết thảy tất cả chúng sinh sống chết từ vô thủy, Vô Minh đen tối, mù loà không có **con mắt Trí** (Jñāna-cakṣu: Trí Nhãn) do ngọn đèn Bát Nhã Ba La Mật Đa này mở được **con mắt Phật** (Buddha-cakṣu Phật Nhãn) ấy. Như chỗ u ám trong sơn cốc sâu thẳm là nơi mà ánh sáng của mặt trời mặt trăng chẳng thể soi chiếu đến, nếu thắp một ngọn đèn thì sự tăm tối lâu dài được trừ bỏ tất cả. Tại sao thế? Do **Pháp** như vậy, cho nên **Tỳ Lô Giá Na Như Lai Tam Muội** phóng ánh sáng màu trắng cũng lại như vậy.

Lại nữa Thiện Nam Tử! Hành Giả từ Tam Muội này khởi xong. Tiếp theo lại nhập vào **Bát Động Tam Muội**, hướng mặt về phương Tây cũng tác **Kim Cương Kiết Già** như lúc trước, thẳng thân ngồi ngay ngắn, nên dùng tay trái nắm lấy hai góc của y phục đã mặc quấn quanh cổ tay trái, dùng Quyền nắm bên trên lộ ra hai góc, tay phải đè mặt đất. Đây tức tên là **Năng Tội Phục Ân**, tất cả chúng Ma với các Ngoại Đạo, các nhóm **Hoặc Nghiệp** đều chẳng thể lay động. Tức là Ân của A Súc Như Lai.



Tiếp theo, cũng ngâm tụng **Tỳ Lô Giá Na Như Lai Chân Ngôn** như trên đã nói. Nên đem chữ **Hồng** (𑖀:Hūṃ) ở trong vành trăng đặt ở trên đỉnh đầu, quán chữ **Hồng** (𑖀:Hūṃ) này màu xanh. Quán tưởng thành xong, tiếp theo quán khắp thân đều là màu xanh, thân này liền thành **A Súc Như Lai** (Akṣobhya-tathāgata).

Quán này thành xong, liền từ trên đỉnh đầu phóng ánh sáng màu xanh, cũng dùng vô số trăm ngàn ánh sáng làm quyến thuộc. Trong mỗi một ánh sáng đều có vô lượng Kim Cương Bồ Tát màu xanh hiện ra, đều tác Ấn này, ánh sáng chiếu trong hằng hà sa số Thế Giới ở phương Đông, trong ấy chúng sinh gặp được ánh sáng này thì hết thấy Tâm: lừa dối, cướp đoạt, giết hại thầy đều buông lìa, vắng lặng chẳng động.

_Này Thiện Nam Tử! Hành Giả từ Tam Muội này đẩy lên xong. Lại ở phương Nam, ngồi hướng mặt về phương Bắc, cũng làm Kim Cương Kiết Già như trên, ngồi ngay ngắn, thân ngay thẳng, tay trái như lúc trước cầm hai góc áo, giữa lòng bàn tay phải, gọi là **Mãn Nguyện Ấn**. Đây tức là Ấn của **Bảo Sinh Như Lai** (Ratnasambhava-tathāgata)



Tiếp theo, cũng tụng **Tỳ Lô Giá Na Như Lai Chân Ngôn** lúc trước, tác quán chữ **Nhạ** (𑖂:Ja), nên đem chữ này ở trong vành trăng đặt ở trên đỉnh đầu như màu vàng sáng rực. Quán Tưởng thành xong, dần dần quán khắp thân đều là màu vàng sáng rực, thân này liền thành **Bảo Sinh Như Lai**.

Quán này thành xong, liền từ trên đỉnh đầu phóng ánh sáng màu vàng rờng, cũng dùng vô số trăm ngàn ánh sáng làm quyến thuộc. Trong mỗi một ánh sáng đều có vô lượng Kim Cương Bồ Tát màu vàng rờng hiện ra, đều làm Ấn này, trong bàn tay của mỗi một vị Bồ Tát đều tuôn mưa báu Như Ý, ánh sáng chiếu hằng sa Thế Giới ở phương Nam. Chúng sinh trong ấy gặp được ánh sáng này thì hết thấy nguyện cầu đều được đầy đủ.

_Lại ở phương Tây, ngồi hướng mặt về phương Đông, cũng làm Kim Cương Kiết Già như trên, ngồi ngay ngắn, thân ngay thẳng, giữa lòng bàn tay trái để ở trên rốn, giữa lòng bàn tay phải đặt chồng lên trên bàn tay trái, đem ngón cái khiến cùng trụ đầu ngón. Ấn này gọi là Ấn của Tam Muội tối thắng bậc nhất, hay diệt cuồng loạn, tất cả vọng niệm, khiến Tâm có một cảnh, tức là Ấn của **A Di Đà Như Lai** (Amitābha-tathāgata)



Cũng tụng **Tỳ Lô Giá Na Như Lai Chân Ngôn** như trên, tác quán chữ **Hộ** (𑖦:Ho), nên đem chữ này ở trong vành trắng đặt ở trên đỉnh đầu như màu hoa sen hồng. Quán Tưởng thành xong, dần dần quán khắp thân đều là màu hoa sen hồng, liền thành **A Di Đà Như Lai** (Amitābha-tathāgata)

Quán này thành xong, liền từ trên đỉnh đầu phóng ánh sáng màu hoa sen hồng, cũng dùng vô số trăm ngàn ánh sáng làm quyến thuộc. Trong mỗi một ánh sáng đều có vô lượng Bồ Tát màu hoa sen hồng hiện ra, đều làm Ấn này, nhập vào Tam Muội (Samādhi), ánh sáng chiếu hăng sa Thế Giới ở phương Tây. Chúng sinh trong ấy gặp được ánh sáng này đều nhập vào Tam Muội.

Lại ở phương Bắc, ngồi hướng mặt về phương Nam, cũng làm Kim Cương Kiết Già như trên, ngồi ngay ngắn, thân ngay thẳng, Tay trái như lúc trước cầm hai góc áo, tay phải giương lòng bàn tay dựng thẳng năm ngón tay ngang vai, hướng ra bên ngoài, gọi là **Thí Vô Úy**. Ấn này hay ban cho tất cả chúng sinh an vui không có sợ hãi, tất cả người ác chẳng thể gây não hại, tức là Ấn của **Bất Không Thành Tựu Như Lai** (Amogha-siddhi-tathāgata)



Tiếp theo, cũng tụng **Tỳ Lô Giá Na Như Lai Chân Ngôn** như trên, tác quán chữ **Sa** (𑖱:Sa), nên đem chữ này ở trong vành trắng đặt ở trên đỉnh đầu, đủ cả năm màu. Quán Tưởng thành xong, dần dần quán khắp thân đều là năm màu, liền thành **Bất Không Thành Tựu Như Lai** (Amogha-siddhi-tathāgata)

Quán này thành xong, liền từ trên đỉnh đầu phóng ánh sáng năm màu, cũng dùng vô số trăm ngàn ánh sáng làm quyến thuộc. Trong mỗi một ánh sáng đều có vô lượng Quang Minh Bồ Tát năm màu hiện ra, đều làm Ân này, đều ban cho sự không sợ hãi, ánh sáng chiếu hằng sa Thế Giới ở phương Bắc. Chúng sinh trong ấy gặp được ánh sáng này đều được sự không sợ hãi”.

Đức Phật lại bảo **Nhất Thiết Pháp Tự Tại Vương Bồ Tát** rằng: “Nhu trên đã nói Pháp của **Tự Chứng**, chỉ tự mình chứng biết, chẳng phải là lời có thể nói, lia các **tướng thấy** (kiến tướng). Vì các chúng sinh chưa thành tựu cho nên ở trong **Vô Tướng** dùng **Tướng** hiển bày, ở trong **Vô Ngôn Thuyết** dùng lời tuyên nói. Ví như thành Càn Thát Bà trong hư không, chẳng phải là thật mà hiện ra thật”.

Bấy giờ, Đức Phật lại bảo **Nhất Thiết Pháp Tự Tại Vương Bồ Tát** với các Đại Chúng rằng: “Này các Phật Tử! Trong tất cả các Thế Giới ở mười phương, vô lượng vô số trăm ngàn vạn ức chúng sinh khác loài, hoặc có chúng sinh chẳng đủ các Căn, hoặc lại đầy đủ năm nghiệp Vô Gian, người giết mổ (đồ nhi), đao phủ (khôi quái), **Chiên Đà La** (Caṇḍāla: người hiểm ác)... Đối với tất cả, đều ở trong Tam Muội chẳng thể nghĩ bàn, tu tập **hướng vào** (thú nhập) thấy đều có phần, trừ năm loại người.

Nhóm nào là năm? Một là **chẳng tin**, hai là **Đoạn Kiến** (Uccheda-dṛṣṭi: *chấp trước cho rằng ta và thế gian cuối cùng đều bị diệt hết, không còn gì cả, không có nhân quả nối tiếp nhau*), ba là **Thường Kiến** (Nitya-dṛṣṭi hay Śāsvata-dṛṣṭi: *chủ trương Thế Giới là thường trụ chẳng biến đổi, Tự Ngã của nhân loại chẳng diệt, con người sau khi chết thì Tự Ngã chẳng bị tiêu diệt, lại sinh trở lại, tức nói cái Ta là thường trụ*), bốn là **Tà Kiến** (Mithyā-dṛṣṭi: *Chấp biết sai lệch. Chủ yếu là bài xích bốn Đế, đạo lý của Nhân Quả*), năm là **hoài nghi**. Năm loại người như vậy không có Từ Bi

Thiện Nam Tử! Nếu lại có người hay tạm tu tập Tam Muội này, thân thâm nhẹ nhàng an ổn, liền hay sinh ở năm loại Tam Muội.

Nhóm nào là năm? Một là **Sát Na Tam Muội**, hai là **Vi Trần Tam Muội**, ba là **Tiệm Hiện Tam Muội**, bốn là **Khởi Phục Tam Muội**, năm là **An Trụ Tam Muội**.

Thế nào gọi là **Sát Na Tam Muội** (Kṣana-samādhi)? Ấy là quán vành trăng mỗi một **Sát Na** (Kṣana), tạm nắm giữ tương ứng, xét tìm lại nhanh chóng mất đi. Thế nên gọi là **Sát Na Tam Muội**.

Thế nào gọi là **Vi Trần Tam Muội** (Aṇu-rajā-samādhi)? Ấy là ở Tam Muội (samādhi) có chút phần tương ứng, ví như có người chẳng biết mùi vị của Mật, chỉ được khoảng hạt bụi nhỏ ở cái lưỡi (thiệt căn) ấy thì yêu thích an vui, đều quên đi cái niệm đói khát bệnh tật, chỉ lần lượt chuyên tâm mong cầu được nhiều. Tâm của Tam Muội này cũng lại như vậy, được chút phần tương ứng đều quên đi tất cả phiền não đói khát, Tâm được an vui, chuyên luân phiên mong cầu.

Thế nào gọi là **Tiệm Hiện Tam Muội**? Ấy là do được chút ít, yêu thích an vui dần dần tăng trưởng, lông trên thân đều dựng đứng, buồn khóc rơi nước mắt, như trong vật màu đen nhìn thấy một sợi dây trắng. Dây cũng như vậy, do quán vành trăng được chút phần, trụ ở trong Vô Minh ám tối phiền não, thấy chút phần nhỏ nhiệm của **Tâm Định** hiển hiện.

Thế nào gọi là **Khởi Phục Tam Muội**? Ấy là Quán Hạnh chưa thuần, hoặc dấy lên hoặc diệt, như cái cân hạ xuống đưa lên, quán **thành** hoặc **diệt**, quán **mất** hoặc **sinh**

Thế nào gọi là **An Trụ Tam Muội**? Do bốn Tâm Định lúc trước được an trụ, đều hay thủ hộ tất cả Pháp tốt lành (thiện Pháp), tăng triển sự tốt lành mới (tân thiện),

thân tâm an vui. Như trong mùa hạ cực nóng, lặn lội qua bãi cát xa xăm, chịu nóng khát lâu ngày, chợt được nước trong mát lạnh của núi tuyết thì hết thấy nóng khát, lo khổ đều trừ. Đây cũng như vậy, được Tam Muội này thì **Nghiệp, Hoặc, Khổ** tất cả đều phân phát đi. Đây là mầm Vô Thượng Bồ Đề sinh ra.

Thiện Nam Tử! Như trên đã nói, các chúng sinh ác chẳng đủ các căn, có năm nghiệp Vô Gian còn ở trong đây tu nhận có phần, hưởng chi là tất cả Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di mà chẳng hưởng vào được sao?!...

Thiện Nam Tử! Nay Đại Chúng này, vô số chúng sinh nghe Pháp này xong đều đối với A Nậu Đa La Tam Miểu Tam Bồ Đề (Vô Thượng Chính Đẳng Chính Giác) được chẳng chuyển lùi, Thần Thông, mười Lục, bốn Vô Sở Úy, niệm niệm tăng tiến, vô số Tam Muội thấy đều hiện trước mặt. Ấy là: **Yêm Ly Nhất Thiết Pháp Tam Muội, Siêu Quá Nhất Thiết Pháp Tam Muội, Nhất Thiết Pháp Bình Đẳng Tam Muội, Ly Chư Kiến Trù Lâm Tam Muội, Viễn Ly Vô Minh Ám Tam Muội, Nhất Thiết Pháp Ly Tướng Tam Muội, Giải Thoát Nhất Thiết Trước Tam Muội, Ly Nhất Thiết Giải Đãi Tam Muội, Thập Thâm Pháp Phát Quang Tam Muội, Như Tu Di Sơn Tam Muội, Vĩnh Vô Thất Hoại Tam Muội, Tồi Hoại Ma Quân Tam Muội, Bất Trước Tam Giới Tam Muội, Xuất Sinh Quang Minh Tam Muội...** Dùng nhóm như vậy làm Thượng Thủ, vô số Tam Muội đều hiện ngay trước mặt.

Lại có vô lượng mọi loại chúng sinh được nơi vô số Đà La Ni Môn. Ấy là: **Quán Chư Pháp Tính Đà La Ni Môn, Phát Bồ Đề Tâm Đà La Ni Môn, Sanh Bồ Đề Nha Đà La Ni Môn, Liễu Kim Cương Tính Đà La Ni Môn, Đắc Phật Bình Đẳng Đà La Ni Môn, Nhất Thiết Pháp Bản Tính Thanh Tịnh Đà La Ni Môn, Nhất Thiết Pháp Bản Tính Nhiếp Thọ Đà La Ni Môn, Nhất Thiết Pháp Bản Tính Bất Khả Đắc Đà La Ni Môn, Nhất Thiết Pháp Xuất Sinh Trí Tuệ Đà La Ni Môn, Nhất Thiết Pháp Giai Tất Thành Tựu Đà La Ni Môn, Nhất Thiết Pháp Chuyển Biến Tựu Tại Đà La Ni Môn, Nhất Thiết Pháp Đại Quang Phổ Chiếu Đà La Ni Môn, Nhất Thiết Pháp Viễn Ly Si Ám Đà La Ni Môn, Nhất Thiết Pháp Tâm Trí Thanh Tịnh Đà La Ni Môn, Nhất Thiết Pháp Giai Bất Khả Đắc Đà La Ni Môn, Phổ Tán Nhất Thiết Chúng Bảo Diệu Hoa Đà La Ni Môn, Bản Tính Hiện Hiện Xuất Sinh Chư Pháp Đà La Ni Môn, Viễn Ly Nhất Thiết Chư Huyền Hóa Pháp Đà La Ni Môn, Như Kính Viên Minh Xuất Sinh Ảnh Tượng Đà La Ni Môn, Xuất Sinh Nhất Thiết Chúng Sinh Âm Thanh Đà La Ni Môn, Lệnh Chư Chúng Sinh Tối Cực Hoan Hỷ Đà La Ni Môn, Xảo Thuận Nhất Thiết Chúng Sinh Âm Thanh Đà La Ni Môn, Xuất Sinh Chung Chung Âm Thanh Tựu Cú Đà La Ni Môn, Vô Hữu Chướng Ngại Đà La Ni Môn, Bản Tính Xảo Tiện Đà La Ni Môn, Giải Thoát Phiền Não Đà La Ni Môn, Ly Nhất Thiết Trần Đà La Ni Môn, Phân Biệt Tựu Nghĩa Đà La Ni Môn, Giải Liễu Chư Pháp Đà La Ni Môn, Nhất Thiết Pháp Vô Ngại Tế Đà La Ni Môn, Do Như Hư Không Đà La Ni Môn, Do Như Kim Cương Đà La Ni Môn, Cận Sắc Quang Vương Đà La Ni Môn, Đắc Tối Tôn Thắng Đà La Ni Môn, Bất Thoái Chuyển Nhân Đà La Ni Môn, Pháp Giới Xuất Sinh Đà La Ni Môn, Thường Thí An Ủy Đà La Ni Môn, Như Sư Tử Hồng Đà La Ni Môn, Siêu Chúng Sinh Phước Đức Đà La Ni Môn, Ly Chư Ưu Não Đà La Ni Môn, Ly Chư Quá Ác Đà La Ni Môn, Diệu Hoa Trang Nghiêm Đà La Ni Môn, Pháp Chư Nghi Vong Đà La Ni Môn, Chư Pháp Thuận Như Đà La Ni Môn, Xuất Hiện Chư Pháp Đà La Ni Môn, Đại Thanh Thanh Tịnh Tựu Tại Vương Đà La Ni Môn, Vô Tận Bảo Khiếp Đà La Ni Môn, Vô Biên Tuyên Phúc Đà La Ni Môn, Hải Ấn Đà La Ni Môn, Liên Hoa Trang Nghiêm Đà La Ni Môn,**

Năng Nhập Vô Trước Đà La Ni Môn, **Tiệm Tiệm Thâm Nhập Tứ Vô Ngại Trí** Đà La Ni Môn, **Nhất Thiết Chư Phật Hộ Trì Trang Nghiêm** Đà La Ni Môn... Nhóm Pháp như vậy làm Thượng Thủ, vô lượng vô số Đà La Ni Môn thấy đều hiện trước mặt”.

__Lúc đó, Nhất Thiết Pháp Tự Tại Vương Bồ Tát Ma Ha Tát bạch Phật rằng: “Thế Tôn! Vô số Đà La Ni Môn như vậy thời nhóm Đà La Ni Môn nào hay khiến cho Bồ Tát tổng trì Diệu Pháp do chư Phật đã nói mà chẳng bị hoại mất? Nhóm Đà La Ni Môn nào hay khiến cho Bồ Tát khi nói Pháp này thời biện tài không có ngăn ngại? Nhóm Đà La Ni Môn nào hay khiến cho Bồ Tát khi nói Pháp này thời tất cả chúng sinh yêu thích vui vẻ?”

Đức Phật bảo Nhất Thiết Pháp Tự Tại Vương Bồ Tát rằng: “Này Thiện Nam Tử! Có tám Đà La Ni Môn, nếu thọ trì sẽ hay khiến cho Bồ Tát tổng trì Phật Pháp, biện tài không cùng tận, chúng sinh ưa thích nghe. Nhóm nào là tám? Ấy là: **Đại Thanh Thanh Tịnh Tự Tại Vương** Đà La Ni Môn, **Vô Tận Bảo Khiếp** Đà La Ni Môn, **Vô Biên Tuyên Phúc** Đà La Ni Môn, **Hải Ấn** Đà La Ni Môn, **Liên Hoa Trang Nghiêm** Đà La Ni Môn, **Năng Nhập Vô Trước** Đà La Ni Môn, **Tiệm Tiệm Thâm Nhập Tứ Vô Ngại Trí** Đà La Ni Môn, **Nhất Thiết Chư Phật Hộ Trì Trang Nghiêm** Đà La Ni Môn...Nếu Bồ Tát hay đối với tám loại Đà La Ni Môn này thọ trì, tu tập tức hay tổng trì Diệu Pháp mà tất cả Như Lai đã nói, biện tài không cùng tận, cũng khiến cho chúng sinh yêu thích vui vẻ”.

__Khi ấy, Nhất Thiết Pháp Tự Tại Vương Bồ Tát bạch Phật rằng: “Thế Tôn! Nguyên xin Đức Như Lai thương xót chúng con, rộng phân biệt nói như tám loại Đà La Ni Môn này, Bồ Tát được nghe tức hay ở đây siêng năng cầu hướng vào”

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Nhất Thiết Tự Tại Vương Bồ Tát rằng: “Lành thay! Lành thay Thiện Nam Tử! Hãy nghe cho kỹ! Hãy nghe cho kỹ! Hãy khéo nghĩ nhớ! Nay sẽ vì ông rộng phân biệt nói, khiến cho Bồ Tát được vào Môn này.

Thiện Nam Tử! Thế nào gọi là **Đại Thanh Thanh Tịnh Đà La Ni Môn**? Nếu có Bồ Tát tu tập nơi Đà La Ni Môn này thì nên dùng niệm màu nhiệm thanh tịnh không có dính mắc, an trụ chân thật, Tâm dứt hết sự dao động, Uy Nghi lặng yên, dùng Tâm quyết định nói Pháp vi diệu, khiến cho hết thấy chúng sinh trong một cõi Phật, tùy theo âm của loài ấy nghe được khắp tiếng ấy, đều hiểu nghĩa ấy. Như vậy hoặc hai cõi Phật, hoặc một ngàn cõi Phật, hoặc hai ngàn cõi Phật cho đến mười phương vô lượng vô biên câu chi na do tha trăm ngàn cõi Phật, chúng sinh trong đấy cũng đều tùy theo loài, nghe được khắp tiếng ấy, đều hiểu nghĩa ấy.

Này Thiện Nam Tử! Nếu Bồ Tát này ở trong Chúng Hội, ngồi trên tòa Sư Tử. Tòa ấy cao một **câu lô xá** (Krośa: 500 Cung, hay 5 dặm), dùng uy lực của **Sư Tử Vương** (Simha-rāja) gìn giữ mọi báu nghiêm sức. Như vậy, hoặc lại cao khoảng nửa **Do Tuần** (Yojana), một Do Tuần, một ngàn Do Tuần, hoặc lại cao bằng Tu Di Sơn Vương, hoặc lại cao đến cõi Phạm Thiên. Tùy theo nơi mà Tâm của các chúng sinh ưa thích, khiến cho họ đều thấy **thân, tòa** lớn nhỏ để mà thuyết Pháp. Ngay lúc nói Pháp thời chư Phật ở mười phương đều hiện ra trước mặt, vì Bồ Tát này diễn nói **Diệu Pháp** (Saddharma). Bồ Tát nghe xong, liền hay dùng sức của Đà La Ni này, một thời nghe kỹ thì tổng trì chẳng quên, vào sâu trong nghĩa lý, hiện chứng tương ứng, thân tâm vui sướng, trong mỗi một Pháp thành **Tính của một cảnh**, mỗi một **chữ, câu, văn** không có chỗ nghe tức vào lúc lắng nghe Pháp như vậy thời thường diễn nói không có chướng ngại

Nếu các Bồ Tát vào sâu trong Môn **tiếng của một chữ** (Nhất Tự Thanh Môn) như vậy thì tất cả Pháp đều nhập vào Môn này, tức từ Môn này sinh ra diễn nói tất cả các Pháp.

Lại trước tiên nói **Môn chữ A (𑖀)** thứ nhất sinh ra vô biên vô số Pháp Môn.

Ấy là: **A (𑖀)** là tất cả Pháp không có đến, do **Thế** (Svabhāva: Chân Thế hoặc Thế Tính) của tất cả Pháp **không có đến** (vô lai)

Lại chữ **A (𑖀)** là tất cả Pháp không có đi, do **Thế** của tất cả Pháp **không có đi** (vô khứ)

Lại chữ **A (𑖀)** là tất cả Pháp không có lưu chuyển tạo ứng (Saṃskāra:Hành) vì **Thế** không có lưu chuyển tạo ứng.

Lại chữ **A (𑖀)** là tất cả Pháp không có đứng lại (Trụ) vì **Thế** không có đứng lại.

Lại chữ **A (𑖀)** là tất cả Pháp không có Bản Tính vì **Thế** vốn thanh tịnh.

Lại chữ **A (𑖀)** là tất cả Pháp không có gốc rễ vì **Thế** khởi đầu chưa sinh ra

Lại chữ **A (𑖀)** là tất cả Pháp không có kết thúc vì **Thế** không có khởi đầu

Lại chữ **A (𑖀)** là tất cả Pháp không có tận hết vì **Thế** không có chỗ đi.

Lại chữ **A (𑖀)** là tất cả Pháp không có sanh ra vì **Thế** không có lưu chuyển tạo ứng.

Lại chữ **A (𑖀)** là tất cả Pháp không có xuất ra vì **Thế** không có người tạo làm.

Lại chữ **A (𑖀)** là tất cả Pháp không có mong cầu vì **Thế** không có tướng.

Lại chữ **A (𑖀)** là tất cả Pháp không có ngăn ngại vì Tướng của **Thế** quan hệ buộc vào nhau.

Lại chữ **A (𑖀)** là tất cả Pháp không có diệt vì **Thế** không có Chủ Tể.

Lại chữ **A (𑖀)** là tất cả Pháp không có chỗ đến (vô hành xứ) vì **Thế** không có nguyên.

Lại chữ **A (𑖀)** là tất cả Pháp không có sống chết vì **Thế** lìa **phân biệt, không phân biệt**

Lại chữ **A (𑖀)** là tất cả Pháp không có lời nói (vô ngôn thuyết) vì âm tiếng cùng tột của **Thế** buộc vào nhau

Lại chữ **A (𑖀)** là tất cả Pháp chẳng thể nói vì **Thế** không có âm tiếng

Lại chữ **A (𑖀)** là tất cả Pháp không có sai biệt vì **Thế** không có nơi chốn.

Lại chữ **A (𑖀)** là tất cả Pháp không có phân biệt vì **Thế** thanh tịnh.

Lại chữ **A (𑖀)** là tất cả Pháp không có Tâm Ý vì **Thế** chẳng thể mong cầu.

Lại chữ **A (𑖀)** là tất cả Pháp không có cao thấp vì **Thế** vốn bình đẳng

Lại chữ **A (𑖀)** là tất cả Pháp chẳng thể hiểu biết vì **Thế** như Hư Không.

Lại chữ **A (𑖀)** là tất cả Pháp chẳng thể nói vì **Thế** vượt qua đường nói năng.

Lại chữ **A (𑖀)** là tất cả Pháp không có hạn lượng vì **Thế** không có nơi chốn

Lại chữ **A (𑖀)** là tất cả Pháp không có sinh ra vì **Thế** không có nơi sinh ra.

Lại chữ **A (𑖀)** là tất cả Pháp không có **Bản Tịnh** (xưa nay trong sạch) vì **Thế** không có tướng.

Lại chữ **A (𑖀)** là tất cả Pháp **không có cái ta** (vô ngã) vì **Thế** tức là **Tính của cái ta** (ngã tính)

Lại chữ **A (𑖀)** là tất cả Pháp không có chúng sinh vì **Thế** vốn thanh tịnh.

Lại chữ **A (𑖀)** là tất cả Pháp không có **tuổi thọ** (thọ giả) vì **Thế** không có **gốc của mạng sống** (mệnh căn)

Lại chữ A (𑖀) là tất cả Pháp không có **Bổ Đạc Già La** (Pudgala: con người, chúng sinh, tên gọi riêng của cái Ta) vì **Thế** là **nơi nắm lấy** (sở thủ)

Lại chữ A (𑖀) là tất cả Pháp không có **Bản Không** (xưa nay trống rỗng) vì Tính của **Thế** vắng lặng.

Lại chữ A (𑖀) là tất cả Pháp không có tướng vì Tính của **Thế** thật không có bờ mé.

Lại chữ A (𑖀) là tất cả Pháp không có hòa hợp vì Tính của **Thế** không có sinh ra.

Lại chữ A (𑖀) là tất cả Pháp **không có lưu chuyển tạo ứng** (vô hành) vì **Thế** vốn **không có tạo làm** (Asamskāra: vô vi)

Lại chữ A (𑖀) là tất cả Pháp **không có tạo làm** (Asamskāra: vô vi) vì **Thế** vượt qua lưu chuyển tạo ứng (hành), không có lưu chuyển tạo ứng (vô hành).

Lại chữ A (𑖀) là tất cả Pháp không có chung cùng (bất cộng) vì **Thế** không có người hay hiểu biết.

Lại chữ A (𑖀) là tất cả Pháp không có tụ hội vì **Thế** không có gom chứa

Lại chữ A (𑖀) là tất cả Pháp không có xuất ra vì **Thế** không có nơi xuất ra.

Lại chữ A (𑖀) là tất cả Pháp không có Bản Tính vì **Thế** không có thân.

Lại chữ A (𑖀) là tất cả Pháp không có tướng vì Tướng của **Thế** xưa nay thanh tịnh (bản tịnh)

Lại chữ A (𑖀) là tất cả Pháp không có **Nghiệp** (Karma) vì **Thế** không có người tạo làm

Lại chữ A (𑖀) là tất cả Pháp không có **Quả** (Phala) vì **Thế** không có **con đường của nghiệp** (Karma-mārga)

Lại chữ A (𑖀) là tất cả Pháp không có gieo trồng vì **Thế** không có hạt giống (chủng tử)

Lại chữ A (𑖀) là tất cả Pháp không có cảnh giới vì **Thế** chẳng có thể nắm lấy

Lại chữ A (𑖀) là tất cả Pháp không có Địa Giới vì **Thế** không có các liên kết

Lại chữ A (𑖀) là tất cả Pháp không có cột buộc vì **Thế** vốn tan diệt

Lại chữ A (𑖀) là tất cả Pháp không có **tụ, tan** vì **Thế** vốn không có tạo làm.

Lại chữ A (𑖀) là tất cả Pháp không có chảy rĩ vì **Thế** chẳng sinh ra mê hoặc

Lại chữ A (𑖀) là tất cả Pháp không có tự sinh ra vì **Thế** khởi đầu không có sinh ra.

Lại chữ A (𑖀) là tất cả Pháp không có vẫn đục vì **Thế** không có đối chiếu.

Lại chữ A (𑖀) là tất cả Pháp không có đối chiếu vì **Thế** vốn không có tạo làm

Lại chữ A (𑖀) là tất cả Pháp không có hình sắc vì **Thế** không có **Đại Chung** (Mahā-bhūta: yếu tố của bốn Đại: đất, nước, gió, lửa kết cấu thành Sắc Pháp)

Lại chữ A (𑖀) là tất cả Pháp không có thọ nhận vì **Thế** không có người thọ nhận.

Lại chữ A (𑖀) là tất cả Pháp không có **tướng** (Samjña: tri giác) vì **Thế** vượt qua các tướng

Lại chữ A (𑖀) là tất cả Pháp **không có động tác hành vi** (Acarita: vô hạnh) vì **Thế** là sự yêu thích cái có (hữu ái)

Lại chữ A (𑖀) là tất cả Pháp không có **nhận thức** (Vijñāna:thức) vì **Thế** không có phân biệt

Lại chữ **A** (𣎵) là tất cả Pháp không có **Giới** (Dhātu) vì **Thể** trống rỗng (Śūnya:không), bình đẳng (sama)

Lại chữ **A** (𣎵) là tất cả Pháp không có **Nhập** (Āyatana:xứ) vì **Thể** vượt qua môn cảnh giới

Lại chữ **A** (𣎵) là tất cả Pháp không có **cảnh giới** (Viṣaya) vì **Thể** không có nơi đi

Lại chữ **A** (𣎵) là tất cả Pháp không có ham muốn vì **Thể** lia phân biệt.

Lại chữ **A** (𣎵) là tất cả Pháp không có **Sắc** (Rūpa: hình thể màu sắc) vì **Thể** không có gốc rễ

Lại chữ **A** (𣎵) là tất cả Pháp không có **Vô Sắc** (Arūpa: không hình thể màu sắc) vì **Thể** khó nghĩ thấy

Lại chữ **A** (𣎵) là tất cả Pháp không có loạn vì **Thể** không có thể loạn

Lại chữ **A** (𣎵) là tất cả Pháp chẳng nghĩ bàn vì **Thể** chẳng thể đắc được

Lại chữ **A** (𣎵) là tất cả Pháp không có Ý vì **Thể** vốn không có hai

Lại chữ **A** (𣎵) là tất cả Pháp chẳng thể nắm nhận vì **Thể** vượt qua con đường của cảnh giới.

Lại chữ **A** (𣎵) là tất cả Pháp không có **A Lại Gia** (Ālaya: Tầng Thức) vì **Thể** không có Nhân Duyên.

Lại chữ **A** (𣎵) là tất cả Pháp không có thường vì **Thể** vốn không có **Nhân** (Hetu)

Lại chữ **A** (𣎵) là tất cả Pháp không có chặt đứt vì **Thể** chẳng ngăn ngại **Nhân** (Hetu).

Lại chữ **A** (𣎵) là tất cả Pháp không có tên gọi vì **Thể** không có tướng mạo.

Lại chữ **A** (𣎵) là tất cả Pháp không có lia vì **Thể** chẳng nhập vào nhau

Lại chữ **A** (𣎵) là tất cả Pháp không có trụ vì **Thể** không có chỗ trụ

Lại chữ **A** (𣎵) là tất cả Pháp không có nhiệt não vì **Thể** không có phiền não.

Lại chữ **A** (𣎵) là tất cả Pháp không có lo lắng bức dọc vì **Thể** không có nghiệp ác

Lại chữ **A** (𣎵) là tất cả Pháp không có Tập Khí vì **Thể** vốn không có dơ bẩn.

Lại chữ **A** (𣎵) là tất cả Pháp không có dơ bẩn vì **Thể** vốn trong sạch.

Lại chữ **A** (𣎵) là tất cả Pháp không có **vốn trong sạch** (bản thanh tịnh) vì **Thể** không có hình chất .

Lại chữ **A** (𣎵) là tất cả Pháp không có **Thể** (Svabhāva: Chân Thể hoặc Thể Tính) vì **Thể** không có **Y Chi** (Āśraya: nương dựa dừng trụ ở nơi có sức có Đức mà chẳng lia)

Lại chữ **A** (𣎵) là tất cả Pháp không có Y Chi vì **Thể** không có lay động tạo làm

Lại chữ **A** (𣎵) là tất cả Pháp không có lay động vì **Thể** lia chấp dính.

Lại chữ **A** (𣎵) là tất cả Pháp không có chướng ngại vì **Thể** đồng với Hư Không

Lại chữ **A** (𣎵) là tất cả Pháp đồng với Hư Không vì **Thể** không có phân biệt.

Lại chữ **A** (𣎵) là tất cả Pháp không có **Sắc, Tướng, Thể** vì **Thể** không có Nhân của cảnh giới

Lại chữ **A** (𣎵) là tất cả Pháp không có hiển bày vì **Thể** đều tương tự nhau.

Lại chữ **A** (𣎵) là tất cả Pháp không có tương tự nhau vì **Thể** không có cảnh giới

Lại chữ A (𣎵) là tất cả Pháp không có cảnh giới vì **Thể** như Hư Không thường
bì

Lại chữ A (𣎵) là tất cả Pháp không có ám tối vì **Thể** không có sáng

Lại chữ A (𣎵) là tất cả Pháp không có sáng vì **Thể** không có đối chiếu.

Lại chữ A (𣎵) là tất cả Pháp không có lỗi lầm vì **Thể** tốt lành màu nhiệm (diệu
thiện)

Lại chữ A (𣎵) là tất cả Pháp không có đúng phải vì **Thể** không có sáng bậy

Lại chữ A (𣎵) là tất cả Pháp không có mở hiểu vì **Thể** không có lay động

Lại chữ A (𣎵) là tất cả Pháp không có nhìn thấy vì **Thể** không có hình sắc

Lại chữ A (𣎵) là tất cả Pháp không có nghe vì **Thể** không có âm tiếng

Lại chữ A (𣎵) là tất cả Pháp không có ngửi vì **Thể** không có mùi hương

Lại chữ A (𣎵) là tất cả Pháp không có thương vì **Thể** không có mùi vị

Lại chữ A (𣎵) là tất cả Pháp không có tiếp chạm vì **Thể** không có chỗ tiếp
chạm

Lại chữ A (𣎵) là tất cả Pháp không có biết vì **Thể** không có Pháp

Lại chữ A (𣎵) là tất cả Pháp không có niệm vì **Thể** lia Tâm, Ý, Thức

Lại chữ A (𣎵) là tất cả Pháp chẳng nghĩ bàn vì Tính của **Thể** là Bồ Đề bình
đẳng, bình đẳng không có cao thấp

Lại chữ A (𣎵) là tất cả Pháp vắng lặng vì **Thể** vốn chẳng sinh chẳng diệt

Này Thiện Nam Tử! Bồ Tát như vậy được **Đại Thanh Thanh Tịnh Đà La Ni Môn** này khi nhập vào chữ A thứ nhất thời diễn nói các Pháp, hoặc trải qua một năm, hoặc lại mười năm, trăm năm, ngàn năm, hoặc trăm ngàn năm, hoặc một Tiểu Kiếp, hoặc một Đại Kiếp cho đến vô lượng vô số Đại Kiếp.... khi nói Pháp này thời chẳng lia chữ A. Như nói nghĩa của chữ A không có tận, nói các chữ khác cũng lại như vậy, chẳng thể cùng tận. Như vậy dựng lập, mở bày **con mắt Pháp** (Dharma-sakṣu: Pháp Nhận), nghĩa ấy sâu xa, xảo diệu, đầy đủ **sự trắng trong** (thanh bạch: Phạm hạnh thuần khiết không có điểm dơ)

Lại nữa, Thiện Nam Tử! Bồ Tát trụ Đà La Ni này cho nên được **Thân thanh tịnh**, uy nghi vắng lặng. Được **Ngũ thanh tịnh** cho nên biện tài không có ngại. Được **Ý thanh tịnh** cho nên Từ Bi quán sát. Được **Thí thanh tịnh** cho nên không có tiếc Tài Pháp, tùy vui ban cho người khác. Được **Giới thanh tịnh** cho nên không có phá, không có luồn lách, không có **Khuyết lậu** (nhân giữ Giới chẳng nghiêm mà vi phạm lỗi). Được **Nhẫn thanh tịnh** cho nên không có oán, không có đối nghịch, không có chướng ngại. Được **Cần thanh tịnh** (tinh tiến thanh tịnh) cho nên đối với sự nghiệp màu nhiệm không có chuyển lùi. Được **Thiền thanh tịnh** cho nên không có dính mắc, không có ngạo mạn, không có mùi vị. Được **Tuệ thanh tịnh** cho nên mở con mắt Trí Tuệ tháo bỏ màng si mê. Được **Nghiệp thanh tịnh** cho nên tu khắp tất cả Nghiệp thắng thiện. Được **con mắt thanh tịnh** cho nên có con mắt Trời (thiên nhãn) từ xa nhìn thấy tất cả hình sắc. Được **lỗ tai thanh tịnh** cho nên có lỗ tai Trời (thiên nhĩ) từ xa nghe được Pháp của chư Phật. Được **lỗ mũi thanh tịnh** cho nên ngửi khắp mùi hương **Tịnh Giới** của Như Lai. Được **cái lưỡi thanh tịnh** cho nên đắc được mùi vị thanh tịnh tùy theo Tâm. Được **thân thanh tịnh** cho nên tuy hiện ở trong mỗi một bào thai nhưng chẳng bị nhiễm. Được **Ý thanh tịnh** cho nên khéo hay phân biệt Pháp nhỏ nhiệm. Được **hình sắc thanh tịnh** cho nên khéo trang nghiêm hết thảy Sắc Tướng. Được **âm tiếng thanh tịnh** cho nên chỗ nghe được đều là thuận theo Pháp. Được **mùi hương thanh tịnh** cho nên được xông ướp mùi hương của **Thí** (bồ thí), **Giới** (trì Giới),

Văn (lắng nghe). Được **mùi vị thanh tịnh** cho nên được tướng **Thượng Vị** của Đại Trượng Phu. Được **tiếp chạm thanh tịnh** cho nên nơi mà thân, tay tiếp chạm đều mềm mại nhiệm màu. Được **Pháp thanh tịnh** cho nên chỗ biết đều được **Pháp Minh Môn**. Được **Niệm thanh tịnh** cho nên nơi đã nghe được thì ghi nhớ, giữ gìn không có nghi ngờ quên mất. Được **Tâm thanh tịnh** cho nên vượt qua tất cả cảnh giới của Ma. Được **Hạnh thanh tịnh** cho nên vượt qua Pháp thâm sâu đã hiểu.

Này Thiện Nam Tử! Bồ Tát được **Tối Thắng Bất Cộng Đại Thanh Thanh Tịnh Đà La Ni** này cho nên âm tiếng lớn tràn khắp mười phương Thế Giới, ánh sáng chiếu khắp, vì chúng sinh trong tất cả Thế Giới ấy, phân biệt diễn nói Diệu Pháp mà tất cả Như Lai đã nói, khiến cho họ mở sáng tất cả con mắt Pháp

Thiện Nam Tử! Nay Ta lược nói Đại Thanh Thanh Tịnh Đà La Ni Môn này, bắt đầu nhập vào theo thứ tự Đức của chút phần trong một Môn. Nếu rộng nói, lại có vô số vô lượng vô biên Nghĩa chẳng thể nói. Như nói nơi một Môn chữ A này đều vô lượng vô biên chẳng thể cùng tận. Mỗi một chữ còn lại cũng lại như vậy đều dùng Môn Trí Tuệ không có dính mắc, dần dần tu nhập vào.

Lại nữa, Thiện Nam Tử! Thế nào gọi là **Vô Tận Bảo Khiếp Đà La Ni Môn**?

Thiện Nam Tử! Ấy là trong một chữ nói tất cả Pháp đều không có cùng tận. Nhóm nào là tất cả Pháp không có cùng tận? Ấy là nói **hình sắc** (Rūpa: Sắc) không có tận. Như vậy nói hình sắc **không có thường** (vô thường), không có tận.

Nói hình sắc là **Khổ** (Duḥkha), không có tận

Nói hình sắc **không có cái Ta** (vô ngã), không có tận.

Nói hình sắc **tịch diệt**, không có tận

Nói hình sắc **vắng lặng**, không có tận

Nói hình sắc **như đám bọt nổi**, không có tận

Nói hình sắc **như ảo**, không có tận

Nói hình sắc **như giọt nước dưới ánh nắng** (dương diễm), không có tận

Nói hình sắc **như mặt trăng trong nước**, không có tận

Nói hình sắc **như giấc mộng**, không có tận

Nói hình sắc **như tiếng vang dội lại** (hương), không có tận

Nói hình sắc **như hình tượng trong gương**, không có tận

Nói hình sắc **không có Bản Tính**, không có tận

Nói hình sắc **vốn không có** (bản vô), không có tận

Nói hình sắc **không có duyên tụ hội**, không có tận

Nói hình sắc là **cửa trống rỗng** (không môn), không có tận

Nói hình sắc **không có tướng**, không có tận

Nói hình sắc **không có Nguyệt**, không có tận

Nói hình sắc **không có Hành**, không có tận

Nói hình sắc **sinh Pháp**, không có tận

Nói hình sắc **không có sinh**, không có tận

Nói hình sắc **Tiền Tế** (Pūrvānta: chỉ quá khứ), không có tận

Nói hình sắc **Trung Tế** (Madhyānta: chỉ hiện tại), không có tận

Nói hình sắc **Hậu Tế** (Aparānta: chỉ tương lai), không có tận

Nói hình sắc **tịch diệt**, không có tận

Nói hình sắc **gần gũi vắng lặng**, không có tận

Nói hình sắc **không có Tâm, Hành, Xứ**, không có tận

Nói hình sắc **không có đường nói năng** (vô ngôn ngữ đạo), không có tận

Nói hình sắc **chẳng thể nghĩ bàn**, không có tận

Nói hình sắc **chẳng thể so lường**, không có tận
 Nói hình sắc **không có cái Ta** (vô ngã), không có tận
 Nói hình sắc **không có chúng sinh**, không có tận
 Nói hình sắc **không có tuổi thọ** (thọ giả), không có tận
 Nói hình sắc **không có người nuôi dưỡng**, không có tận
 Nói hình sắc **không có Bồ Đặc Già La**, không có tận
 Nói hình sắc **không có biết**, không có tận
 Nói hình sắc **không có tạo làm**, không có tận
 Nói hình sắc **như cỏ, cây, ngói, sỏi, đá, tường vách**; không có tận
 Nói hình sắc **không có cầu được**, không có tận
 Nói hình sắc **không có nơi mà Đại Chúng đã sinh ra**, không có tận
 Nói hình sắc **không có âm tiếng**, không có tận
 Nói hình sắc **không có dấu hiệu tiêu biểu**, không có tận
 Nói hình sắc **chẳng thể nói**, không có tận
 Nói hình sắc **vốn có mùi vị thanh tịnh**, không có tận
 Nói hình sắc **từ nhân duyên sinh**, không có tận
 Nói hình sắc **không có chặt đứt**, không có tận
 Nói hình sắc **không có âm tiếng**, không có tận
 Nói hình sắc **không có người tạo làm**, không có tận
 Nói hình sắc **không có người thọ nhận**, không có tận
 Nói hình sắc **không có nghiệp quả**, không có tận
 Nói hình sắc là **Pháp Giới bình đẳng**, không có tận
 Nói hình sắc **trụ Chân Như**, không có tận
 Nói hình sắc **trụ Thật Tế**, không có tận
 Nói hình sắc **không có cái của Ta** (vô ngã sở), không có tận
 Nói hình sắc **không có Chủ Tể**, không có tận
 Nói hình sắc **không có cầm giữ nhận lấy**, không có tận
 Nói hình sắc **chẳng thể nghĩ được**, không có tận
 Nói hình sắc **chẳng thể xưng được**, không có tận
 Nói hình sắc **chẳng thể đo lường**, không có tận
 Nói hình sắc **không có bờ mé** (vô hữu biên), không có tận
 Nói hình sắc **tức là Tính của Bồ Đề**, không có tận
 Nói hình sắc **tức là Tính của Niết Bàn**, không có tận

Như vậy rộng nói Pháp của nhóm **Giới, Xứ**...tên gọi, câu cú, văn, thân, tất cả Phật Pháp thấy đều nhập vào Môn Trí Tuệ của **Nhất Tự Thanh** (âm tiếng của một chữ) này, như dùng **bốn Đại** đồng một **cái tráp thân** (thân khiếp). Đây cũng như vậy **Nhất Tự Thanh** (âm tiếng của một chữ), nghe được bao nhiêu, sinh ra Pháp Môn thâm sâu của báu Trí vô tận, thế nên gọi là **Vô Tận Bảo Khiếp**. Ta mới lược nói nghĩa của chút phần trong một Môn này như một hạt bụi trong mặt đất. Nếu rộng nói thì vô lượng vô biên a tăng kỳ kiếp chẳng thể cùng tận.

_Lại nữa, Thiện Nam Tử! Thế nào gọi là **Vô Biên Tuyên Phúc Đà La Ni Môn**?
 Đây Thiện Nam Tử! đã nói **Biên** (một phía, một bên) là **Đoạn** với **Thường**, mười hai Nhân Duyên là **Vô Minh** duyên **Hành**, Hành duyên **Thức**, Thức duyên **Danh Sắc**, Danh Sắc duyên **sáu Nhập**, sáu Nhập duyên **Xúc**, Xúc duyên **Thọ**, Thọ duyên **Ái**, Ái duyên **Thủ**, Thủ duyên **Hữu**, Hữu duyên **Sinh**, Sinh duyên già, chết, lo buồn, khổ não.

Nói **Vô Biên** (không có bờ mé) tức là cõi bí mật không có nhóm **Đoạn, Thường** hướng vào thâm sâu, gọi là **Tuyên Phúc** (Tính xoay vần, quay trở lại), thế nên gọi là **Vô Biên Tuyên Phúc Đà La Ni Môn**.

Lại nữa, **Biên** (một bên, một phía) nói gọi là **lấy, bỏ** (thủ xả). Đã nói **Tuyên** (xoay vần, quay trở lại) là nói chẳng lấy bỏ

Lại nữa, **Biên** là nói có sinh diệt. **Tuyên** là nói không có sinh diệt.

Lại nữa, **Biên** là phiền não sinh tử. **Tuyên** là Bản Tính thanh tịnh

Biên là có tướng, không có tướng. **Tuyên** là đều không có chỗ lưu chuyển tạo ứng (vô sở hành)

Biên là suy nghĩ thô tế. **Tuyên** là không có tìm, không có dò xét

Biên là **Nhân** (hetu: căn do, nguyên nhân) với các **Kiến** (Darśana: sự thấy biết).

Tuyên là Trí thấu tỏ **Nhân, Kiến**

Biên là **Danh** (Nāma) với **Sắc** (Rūpa). **Tuyên** là không có biểu thị

Biên là **Hữu Vi** (Saṃskṛta), **Vô Vi** (Asaṃskṛta). **Tuyên** là **ba luân** (*cảnh đã biết, Trí hay biết, người hay biết*) thanh tịnh

Biên là nói bên trong với bên ngoài. **Tuyên** là nhận thức **Thể** không có trụ

Biên là nói **Nghiệp** (karma) với **Quả** (Phala). **Tuyên** là không có **Thể** của Nghiệp Quả

Biên là **Thiện** (Kuśala) với **Bất Thiện** (Akuśala). **Tuyên** là không có **Thể của lưu chuyển tạo ứng** (hành thể)

Biên là lỗi lầm với không có lỗi lầm. **Tuyên** là **Thể** không có hai

Biên là nói Nghiệp với **Phiền Não** (Kleśa). **Tuyên** là Tính của **Thể** là ánh sáng

Biên là **cái Ta** (ngã) với **không có cái Ta** (vô ngã). **Tuyên** là Tính của **Thể** là thanh tịnh

Biên là **sinh tử** (Jāti-marāṇa, hay saṃsāra), **Niết Bàn** (Nirvāṇa). **Tuyên** là Bản Tính của các Pháp tức là Niết Bàn

Này Thiện Nam Tử! Như vậy lược nói, nếu rộng nói thì nói **Biên** có vô lượng Môn, nói **Tuyên** cũng có vô lượng Môn

Nếu các Bồ Tát trụ **Tuyên Phúc Đà La Ni Môn** này, tùy thuận vô biên tất cả Pháp sâu xa, Trí không có cùng tận, hoặc nghĩa của chữ cũng không có cùng tận, dần theo thứ tự hướng vào **Vô Biên Tuyên Phúc Đà La Ni Môn**. Đã hay tùy thuận ánh sáng của Trí Tuệ cho nên tùy thuận **Giác Tính** vốn thanh tịnh, mở ánh sáng Trí Tuệ tháo bỏ màng si mê, tùy thuận **Giải Thoát** (Vimukti) hiểu biết Tính của **Thể**.

KINH THỦ HỘ QUỐC GIỚI CHỦ ĐÀ LA NI
QUYỀN THỨ HAI (Hết)